TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 479/2024/DS-PT
Ngày: 31/7/2024
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản và bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình

Ông Phí Thành Chung

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hưng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Bà Nguyễn Bách Thiện Linh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 614/2023/TLPT-DS ngày 20/12/2023 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản và bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 313/2024/QĐ-PT ngày 26/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 407/2024/QĐ-PT ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: **Ông Chu Mạnh H**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số A, ngách A, đường C, tổ A, phường D, quận C, Hà Nội.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- **Bị đơn**: **Ông Chu Dân B**, sinh năm 1946 (có mặt).

Địa chỉ: A, lô I, khu đô thị M, quận H, Hà Nội.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. **Bà Chu Thị Hải L**, sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, ngõ A, đường H, phường N, quận C, Hà Nội.

2. **Ông Chu Thanh A**, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội.

3. **Ông Chu Thanh G**, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số D, nhà C, tập thể K, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của bà L, ông A, ông G: Ông Chu Dân B, sinh năm 1946; Địa chỉ: A, lô I, khu đô thị M, quận H, Hà Nội.

4. **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội.

5. **Anh Chu Thanh Q**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội.

6. **Bà Trương Thị Bích T1**, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ngách A, đường C, tổ A, phường D, quận C, Hà Nội.

7. **Bà Nguyễn Thị Phương T2**, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: A, lô I, khu đô thị M, quận H, Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Chu Dân B, sinh năm 1946

8. **Ngân hàng N**

Trụ sở: Số B L, phường T, quận B, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V-Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Xuân H1-Giám đốc A2 Chi nhánh T5. Đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Đặng Thị T3-Giám đốc Phòng G1 - A2 Chi nhánh T5; Địa chỉ: Nhà C, DDN, khu đô thị Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Chu Mạnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 24/11/2022, Đơn khởi kiện ngày 06/3/2023, Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 06/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Chu Mạnh H trình bày:

Ông là con trai út trong số 05 người con của bố mẹ ông là cụ Chu Văn C và Nguyễn Thị T4. Ngày 21/10/2012 cụ T4 mất do già yếu. Ngày 26/5/2014, cụ C mất do viêm phổi. Sinh thời hai cụ tạo dựng được thửa đất diện tích 828m^2 tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày 10/5/1991. Ngày 03/7/2006 tại UBND phường Đ, quận H, Hà Nội hai cụ đã lập bản Di chúc về việc tặng cho các con (trong đó có ông Chu Mạnh H) đất ở thôn T, (trong Di chúc ghi là thôn T), xã Đ, huyện H, Hà Nội, thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839. Một bản Di chúc được lưu tại UBND phường Định Công, bố mẹ ông giữ 02 bản.

Từ khi còn sống đến khi mất, hai cụ sống cùng với gia đình ông B, do vậy, khi hai cụ mất, Di chúc do hai cụ lập cùng các giấy tờ, tài sản của hai cụ đều để nhà của ông B, do ông B quản lý. Tuy nhiên, kể từ thời điểm mở thừa kế (ngày

26/5/2014 – ngày cụ C mất) đến nay, ông Chu Dân B là người giữ Di chúc nhưng không thông báo cho những người thừa kế biết và yêu cầu chia thửa đất của cụ C theo pháp luật. Những việc làm này của ông B là không tôn trọng ý chí của người để lại di sản, là trái quy định pháp luật, trái đạo đức xã hội và là nguyên nhân làm ông không được hưởng di sản theo Di chúc.

Vì vậy, ông đề nghị Toà án bác bỏ quyền thừa kế của ông B, yêu cầu ông B xuất trình bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ C và bản chính Di chúc của cụ C, cụ T4 lập ngày 03/7/2006 (do ông B giữ); Phân chia di sản theo Di chúc do cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 lập ngày 03/7/2006 là thửa đất số 158 tờ bản đồ 3B tại xã Đ, huyện H, Hà Nội, được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày 10/5/1991.

Tại Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 06/4/2023, ông đề nghị Toà án tuyên bố ông B không được hưởng di sản của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 để lại, vì ông B có hành vi che giấu, không công bố di chúc, đến tháng 11/2018 ông B mới giao cho ông bản sao di chúc. Sau đó ông B không công nhận hiệu lực của bản di chúc và gây khó khăn cho ông trong việc hưởng thừa kế theo di chúc.

Yêu cầu ông B phải công khai xin lỗi về việc che giấu di chúc, làm mất danh dự nhân phẩm của ông và bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Phân chia di sản theo Di chúc ngày 03/7/2006 của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4. Ông xác định bản di chúc này là hợp pháp, hai cụ lập bản di chúc hoàn toàn tự nguyện, tinh thần tỉnh táo, không bị ai ép buộc, bản di chúc được chứng thực tại UBND phường Đ, quận H, Hà Nội. Đây là bản di chúc cuối cùng của hai cụ, trước đó hai cụ có tự lập 02 bản di chúc vào năm 1997, 2002, ông không được giữ 02 bản di chúc này. Tài sản được định đoạt trong di chúc là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hai cụ, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày 10/5/1991 mang tên ông Chu Văn C.

Sau khi lập bản di chúc, hai cụ có tặng cho ông B, bà L, ông G, ông A các phần diện tích đất cụ thể thế nào thì ông không rõ. Việc tặng cho của hai cụ tại các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại Văn phòng C1 về trình tự thủ tục là không đúng quy định pháp luật, các thửa đất tặng cho chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cụ C chưa thực hiện tách thửa, chữ ký của cụ C không phải do cụ C ký, còn cụ T4 thì không ký, chỉ lăn tay điểm chỉ. Cụ T4 thời điểm đó sức khoẻ rất yếu, nằm một chỗ, không nói được, không vận động được, di chuyển bằng xe lăn, đầu óc và tinh thần cũng không hoàn toàn minh mẫn. Cụ C sức khoẻ bình thường, đầu óc tỉnh táo. Ông không yêu cầu giám định chữ ký của

cụ C và dấu vân tay của cụ T4, không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết đối với các hợp đồng tặng cho trên.

Về di sản thừa kế, nguồn gốc thửa đất trên là của bố mẹ ông có trong thời kỳ hôn nhân, tổng diện tích 828m^2 gồm 444m^2 đất ở, 168m^2 đất vườn, 216m^2 đất ao. Về diện tích đất theo sơ đồ đo đạc hiện nay ông không có ý kiến gì.

Khi còn sống các cụ có xây 01 nhà xây năm 1982. Sau này ông B, bà T2 xây thêm 01 nhà liền khối với nhà này. Ông A, bà T có xây 01 nhà cấp 4 cạnh nhà ông B.

Năm 2002 vợ chồng ông (vợ là bà Trương Thị Bích T1) cùng với vợ chồng ông A đã xin phép cụ C và cùng nhau góp công sức, tiền bạc để xây hệ thống chuồng trại, bếp, nhà vệ sinh, công trình xây 01 tầng, tường gạch 10cm, mái lợp fibroximang, kè ao, tôn đất phù sa cho vườn để cùng gia đình ông A làm kinh tế. Vợ chồng ông có góp tiền cùng vợ chồng ông A, bà T xây khu chuồng trại chăn nuôi năm 2003, mỗi bên góp theo tỷ lệ 1:2, vợ chồng ông góp hai phần, vợ chồng ông A góp 01 phần, hết bao nhiêu tiền ông không nhớ. Ngày 02/11/2002 các ông bà đã làm bản cam kết và cụ C đã có ý kiến động viên các ông bà thực hiện kế hoạch này. Sau này, khi việc góp công sức, vốn chăn nuôi không hiệu quả, vợ chồng ông đã thống nhất để toàn bộ hệ thống cho vợ chồng ông A sử dụng. Đề nghị giao cho vợ chồng ông A được sở hữu tài sản này và thanh toán cho vợ chồng ông giá trị tài sản. Ngoài tài sản này, ông bà không có tài sản nào khác tại thửa đất này.

Đối với số tiền tiết kiệm 300.000.000 đồng tại sổ tiết kiệm IE 5715961 Ngân hàng A2 – Chi nhánh T5 đứng tên cụ C, ông đề nghị chia theo pháp luật, chia thành 04 suất, ông B đã bị bác quyền thừa kế nên không được hưởng nữa.

Tại Đơn yêu cầu phản tố, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - bị đơn ông Chu Dân B trình bày:

Ông nhất trí với lời khai của ông H về quan hệ huyết thống và thời gian chết của cụ C và cụ T4. Khi còn sống hai cụ tạo lập được số tài sản là: Thửa đất số 158 tờ bản đồ số 3B diện tích 828m^2 tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội và số tiền tiết kiệm 300.000.000 đồng tại sổ tiết kiệm IE 5715961 Ngân hàng A2 – Chi nhánh T5. Năm 2006 hai cụ có làm bản Di chúc định đoạt thửa đất trên được chứng thực tại UBND phường Đ, quận H, Hà Nội. Sau đó hai cụ đã làm giấy tặng cho các con từng phần diện tích cụ thể và đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể: cấp cho bà L diện tích 43m^2, cấp cho ông A diện tích 289,5m^2, cấp cho ông B, bà T2 diện tích 95m^2, ông Giao diện t 160,3m^2, cùng được cấp ngày 16/11/2012. Còn lại một phần diện tích 43m^2 vẫn đứng tên cụ C. Sau khi được hai cụ cho, các con đã quản lý sử dụng phần diện tích trên. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H vì bản Di chúc của hai cụ không còn hiệu lực, tài sản của hai cụ đã chia cho các con khi hai cụ còn

sống, hiện nay chỉ còn 43m^2 đứng tên cụ C. Ông không vi phạm bất cứ quy định pháp luật nào mà để bị truất quyền thừa kế.

Năm 2012 nhận thấy việc thực hiện di chúc sau khi mình mất là rất khó khăn nên hai cụ quyết định làm hợp đồng tặng cho các con. Trước khi làm thủ tục cụ có lấy ý kiến các con, 04 anh em ông bà không có ý kiến gì, riêng ông H xin hiến vào làm thờ tự chi cụ Chu Văn C nhưng khi cụ yêu cầu đưa giấy tờ để làm sổ đỏ thì ông H không đưa. Tháng 7/2012 tại Văn phòng C2 C đã làm Hợp đồng tặng cho các con Bái, L, A, G. Riêng phần đất mà theo di chúc cho ông H thì không đưa giấy tờ nên phần đất này cụ C đã nhận lại và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình. 05 mảnh đất này đã được Phòng Tài nguyên và môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Suốt 10 năm qua (từ năm 2012) ông H đã làm vài chục lá đơn gửi các cơ quan từ thành phố đến huyện H để vu cáo các cơ quan chức năng làm sai pháp luật và đòi thu hồi toàn bộ sổ đỏ. Suốt 10 năm khiếu kiện ông H không ký vào bất cứ giấy tờ nào để giải quyết tài sản thừa kế của cụ C, đây là lý do suốt 10 năm không giải quyết được. Trong 10 năm đó các ông bà kiên định việc thực hiện nghị quyết của cuộc họp gia đình ngày 03/8/2014 là làm thủ tục rút tiền tiết kiệm về chia đều cho 05 anh em, 04 anh em lên phòng công chứng xác nhận từ chối nhận di sản thừa kế để ông H làm sổ đỏ từ sổ đỏ của cụ C. Trái với thiện chí của các anh em 10 năm ông H tiến hành đưa đơn khiếu nại khắp nơi với những điều dối trá, bịa đặt, xúc phạm những người trong gia đình một cách vô căn cứ. Ông đề nghị ông H phải công bố trước Toà những kết luận của thanh tra và phòng T6 giải quyết đơn khiếu kiện của ông H vì từ ngày đó đến nay ông H không hề thông báo cho các anh chị em biết. Ông H trong suốt 10 năm khiếu kiện chỉ dựa vào di chúc 2006 mà không hề nhắc hợp đồng tặng cho mà bố mẹ ông đã lập năm 2012, ông đề nghị công bố hợp đồng tặng cho này trước Toà. Đề nghị ông H công bố những bằng chứng mà ông đã làm tổn hại vật chất và tinh thần của ông và đòi bồi thường 400.000.000 đồng. Ông H phải thực hiện lời hứa nếu di chúc 2006 không còn hiệu lực pháp luật (như Toà tuyên) thì ông H sẽ xin lỗi ông B trước toàn thể họ Chu. Nếu ông H nhận ra những việc mình làm suốt 10 năm quá là không xứng đáng, các ông bà sẵn sàng tha thứ và thực hiện những gì đã cam kết trong cuộc họp gia đình ngày 03/8/2014. Còn nếu ông H tiếp tục khiếu kiện thì sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải có trách nhiệm bồi thường những tổn thương đã gây ra cho các anh em trong suốt 10 năm qua.

Do vậy, yêu cầu phân chia thừa kế di sản theo di chúc của hai cụ là không có cơ sở. Hiện nay di sản của hai cụ còn lại là 43m^2 tại thửa đất số 158 tờ bản đồ số 3B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999 do UBND huyện H cấp ngày 16/11/2012 đứng tên cụ C. Nếu ông H đồng ý thì các ông bà sẽ bàn giao thửa đất

này cho ông H, còn nếu không đồng ý thì đề nghị chia theo pháp luật. Các ông bà đều đã có nơi ở ổn định.

Đối với số tiền tiết kiệm 300 triệu đồng, ông có yêu cầu phản tố đề nghị chia số tiền trên theo pháp luật, chia đều cho 05 người con.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Chu Thị Hải L, ông Chu Thanh G, ông Chu Thanh A do ông Chu Dân B là đại diện trình bày:

Các ông bà nhất trí với ý kiến của ông B, nếu ông H đồng ý thì các ông bà sẽ bàn giao thửa đất này cho ông H, còn nếu không đồng ý thì đề nghị chia theo pháp luật. Các ông bà đều đã có nơi ở ổn định.

Đối với số tiền tiết kiệm 300 triệu đồng, nhất trí với yêu cầu phản tố của ông B, đề nghị chia số tiền trên theo pháp luật, chia đều cho 05 người con.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Chu Thanh A, lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 03/12/1981 tại UBND quận B, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Bố mẹ chồng bà là cụ C và cụ T4. Về quan hệ huyết thống và thời gian chết của hai cụ như ông H trình bày là đúng. Sinh thời hai cụ có thửa đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 3B, thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội, diện tích khoảng 828m^2. Năm 1982 hai cụ xây 01 nhà hai gian, lợp rạ, diện tích khoảng 15m^2 (phần vị trí nhà này hiện gia đình bà đang sinh sống). Khoảng năm 1985 – 1986 hai cụ xây thêm 01 nhà hai gian lợp ngói, phần nhà này hiện đang sử dụng là nhà tưởng niệm. Khi còn sống hai cụ sống cùng gia đình ông B ở phường Đ, quận H, Hà Nội. Thỉnh thoảng hai cụ về thăm quê thì hai cụ về ở với vợ chồng bà.

Sau khi vợ chồng bà kết hôn thì được hai cụ cho về sống tại đất trên và cho ở phần nhà 15m^2. Vợ chồng bà sinh sống tại thửa đất trên từ đó cho đến nay. Quá trình sinh sống, vợ chồng sinh được 03 con là Chu Thanh Q, sinh năm 1983, Chu Thị Phương L1, sinh năm 1985, Chu Thị Thanh Q1, sinh năm 1992, sống quá chật chội nên hai cụ đồng ý cho vợ chồng bà xây lại nhà.

Năm 1992 vợ chồng bà phá bỏ toàn bộ phần nhà hai cụ xây cho và xây lại thành nhà hai gian lợp ngói, diện tích khoảng 20m^2 và xây 01 bể nước, 01 sân ở trước phần nhà này. Tiền xây dựng là tiền chung của vợ chồng. Năm 2003, vợ chồng bà đứng ra xây 01 khu công trình phụ, bếp và chuồng trại chăn nuôi, nhà cấp 4 lợp proximang, tiền xây dựng hết khoảng 23 triệu đồng. Vợ chồng bà góp 07 triệu đồng, ông H góp 15 triệu đồng. Sau đó ông B xây thêm 01 gian cơi nới liền phía trước phần nhà tưởng niệm mà hai cụ xây từ trước. Ông B xây năm nào thì bà không nhớ chính xác. Ông B xây hết bao nhiêu tiền bà không biết. Toàn bộ cây cối trên đất là vợ chồng bà trồng. Cổng ngõ là vợ chồng bà làm.

Năm 2006 hai cụ lập Di chúc phân chia thửa đất trên cho 05 người con, hai cụ cho ông B diện tích 95m^2, cho ông A diện tích 289,5m^2, cho ông Giao diện t 160,3m^2, cho bà L 43m^2, cho ông H diện tích 43m^2. Hai cụ có vẽ sơ đồ cụ

thể. Năm 2012, hai cụ lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất phần diện tích đất đã định đoạt cho các ông B, A, G, bà L và các ông bà trên đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các diện tích trên. Riêng ông H không đưa giấy tờ nên hai cụ không làm được thủ tục tặng cho, do vậy phần diện tích đất hai cụ định đoạt trong di chúc là cho ông H thì hiện vẫn đứng tên cụ C tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc lập di chúc của hai cụ cụ thể thế nào thì bà không rõ. Hai cụ có thông báo miệng cho bà biết như vậy. Phần diện tích đất hai cụ cho ông A là phần nhà hiện vợ chồng bà đang ở, sân phía trước, phần đất chỗ bể nước, phần công trình phụ, bếp, chuồng trại và một nửa cái ao. Phần diện tích nhà này hiện vợ chồng bà và con trai là Chu Thanh Q đang sinh sống. Hai con L1 và Q1 đã kết hôn và sống với nhà chồng, không còn sinh sống tại thửa đất trên nữa.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản theo bản di chúc ngày 03/7/2006 của hai cụ, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với phần diện tích đất hai cụ đã cho ông B, ông G, ông A, bà L và đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận, bà không có ý kiến gì. Đối với phần tài sản trên đất của ông A thì bà không có đề nghị gì, đối với cây cối và các tài sản khác mà vợ chồng bà xây dựng, tạo lập trên đất của hai cụ và các ông bà khác thì bà không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Chu Thanh Q trình bày :

Anh là con đẻ của ông Chu Thanh A và bà Nguyễn Thị T. Bố mẹ anh sinh được 03 người con là Chu Thanh Q, sinh năm 1983, Chu Thị Phương L1, sinh năm 1985, Chu Thị Thanh Q1, sinh năm 1992. Hai em gái đã lấy chồng và ở riêng. Hiện anh đang sinh sống cùng bố mẹ tại nhà đất ở Thôn T, xã Đ, huyện H, TP . Hà Nội. Nguồn gốc nhà đất trên là của ông bà nội anh là cụ Chu Văn C và Nguyễn Thị T4.

Về nguồn gốc đất cụ thể thì anh không rõ, anh chỉ được nghe kể lại là toàn bộ phần diện tích của thửa đất là của hai cụ, khi bố mẹ anh lấy nhau thì hai cụ cho bố mẹ anh về sống ở đó. Do vậy mà ba anh em anh đều sinh ra và lớn lên ở đây. Sau đó, hai cụ phân chia cho các con mỗi người một phần diện tích đất cụ thể, nhưng hiện nay chỉ có gia đình anh sinh sống ở đó, còn phần nhà hai cụ cho ông B thì thỉnh thoảng ông B về thăm quê thì ở tại đó, còn phần đất cho ông G, bà L và một phần vẫn đứng tên cụ C thì vẫn chưa có nhà, chỉ có cây cối trên đó. Phần diện tích đất hai cụ cho bố anh thì bố mẹ anh đã xây nhà ở, khu phụ, bếp và chuồng chăn nuôi, bể nước, sân. Việc xây dựng là do bố mẹ anh làm, tiền hết bao nhiêu anh không biết. Các cây cối trên đất cũng là bố mẹ anh trồng. Việc hai cụ phân chia đất cho các con như thế nào anh không nắm được và cũng không liên quan đến anh. Anh xác định mình không có công sức đóng góp, xây dựng gì

đối với đất và tài sản trên đất đó. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản theo bản di chúc ngày 03/7/2006 của hai cụ, anh không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Trương Thị Bích T1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về góp tiền xây dựng hệ thống chuồng trại, bếp, nhà vệ sinh và đề nghị giải quyết phần giá trị đóng góp này theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng N do bà Đặng Thị T3 là đại diện trình bày :

Tên khách hàng Chu Văn C, số tiết kiệm IE5715961 (STK 1300683025946), ngày gửi tiền 21/4/2014, số tiền gửi : 300.000.000 đồng, kỳ hạn gửi 01 tháng, tổng tiền lãi đến ngày 22/6/2023 : 135.250.500 đồng ; số dư nợ gốc nhập lãi đến ngày 22/6/2023 : 435.250.500 đồng, lãi suất kỳ hạn gửi từ ngày 22/6/2023: 3,4%/năm. Đề nghị Toà án xét xử chia thừa kế số tiền tiết kiệm trên theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn khẳng định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại Đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 06/4/2023, yêu cầu Toà án bác quyền thừa kế của ông B, yêu cầu ông B công khai xin lỗi, bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần số tiền là 400.000.000 đồng, yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ C và cụ T4 theo bản Di chúc ngày 03/7/2006 vì ông B cố tình che giấu di chúc, không thừa nhận di chúc, dẫn đến việc ông phải đi thuê luật sư để tư vấn. Di chúc ngày 03/7/2006 của cụ C và cụ T4 là hợp pháp nên đề nghị chia di sản theo di chúc này. Các hợp đồng tặng cho ông B, bà L, ông G, ông A của các cụ và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 2012 cho các ông bà này là không có giá trị, hiện nay chỉ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1991 đứng tên cụ C là có giá trị. Đối với phần đất trong di chúc tặng cho ông B, do ông B bị bác quyền thừa kế nên đề nghị chia theo pháp luật. Ông có nguyện vọng được hưởng bằng hiện vật. Đối với khu công trình phụ gồm chuồng trại chăn nuôi, nhà vệ sinh, bếp, vợ chồng ông góp tiền với ông A, bà T để xây dựng, ông A, bà T đã thanh toán tiền cho ông bà, nên phần đó thuộc toàn quyền sở hữu của ông A, bà T, ông không yêu cầu Toà giải quyết. Đối với ngôi nhà do hai cụ xây trên phần đất hai cụ tặng cho ông B, diện tích 34m^2 là di sản của hai cụ, đề nghị chia theo pháp luật. Đối với ngôi nhà liền kề với ngôi nhà diện tích 34m^2 và các tài sản trên đất khác không phải là di sản của hai cụ, ông không yêu cầu giải quyết.

Đối với số tiền tiết kiệm theo yêu cầu của ông B, ông không đồng ý chia vì ông B bị bác quyền thừa kế, các ông bà sẽ tự thoả thuận với nhau về việc giải quyết.

Ông B đại diện cho các ông bà là bà L, ông G, ông A, bà T2 trình bày: Các ông bà vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Toà án giải quyết. Toàn bộ thửa đất trên là của hai cụ, năm 2012 hai cụ đã tặng cho các ông bà các phần diện tích trong thửa đất đó, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không còn giá trị trong di chúc, còn ngôi nhà 34m^2 do các cụ xây, hai cụ đã tặng cho ông B thì thuộc quyền sở hữu của ông B. Đối với phần diện tích 43m^2 cụ C đã tách thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012, các ông bà thống nhất phần này thuộc quyền sử dụng của ông H theo như ý chí của hai cụ thể hiện trong di chúc vì các anh chị em đều đã có phần. Còn diện tích 60,6m^2 các ông bà đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, các ông bà không có ý kiến gì. Đối với số tiền tiết kiệm, đề nghị chia theo pháp luật cho 05 người con được hưởng bằng nhau.

Về phần chuồng trại, khu vệ sinh, bếp do ông A, bà T và ông H, bà T1 góp tiền xây dựng, ông A, bà T, ông H, bà T1 đã tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết.

Đối với các tài sản trên đất khác các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện, các ông B, bà L, ông A, ông G, ông H là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bác quyền thừa kế của ông Chu Dân B và buộc ông Chu Dân B phải công khai xin lỗi về việc che giấu di chúc, làm mất danh dự nhân phẩm của ông và bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Xác định bản Di chúc ngày 03/7/2006 của cụ C và cụ T4 là hợp pháp. Ngày 20/9/2012, cụ C và cụ T4 đã có sự thay đổi ý chí bằng việc tặng cho quyền sử dụng đất trên cho các con. Việc tặng cho các con quyền sử dụng đất, đã được công chứng theo quy định và được cấp GCNQSDĐ đúng theo quy định pháp luật. Do vậy cần xác định đến thời điểm mở thừa kế thì phần di sản để lại cho

người thừa kế theo di chúc đã không còn nên di chúc lập năm 2006 của cụ C và cụ T4 không có hiệu lực pháp luật theo khoản 3 Điều 667 BLDS. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông H.

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà B, G, A, L đều thống nhất nhường lại phần này cho ông H toàn bộ phần diện tích 43m^2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 65399 ngày 16/11/2012. Ông H được quyền sử dụng toàn bộ phần diện tích này.

Diện tích theo GCNQSDĐ năm 1991 là 828m^2, trong đó 444m^2 đất ở, 168m^2 đất vườn, 216m^2 đất ao. Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng, diện tích đo đạc thực tế của toàn bộ thửa đất là 804,3m^2. Các đương sự đều xác nhận không rõ việc thiếu hụt diện tích là do đâu, không có ý kiến gì về hiện trạng và đề nghị xác nhận diện tích theo hiện trạng hiện nay. Do vậy, xác định diện tích thửa đất trên theo số đo thực tế là 804,3m^2.

Trong tổng diện tích 804,3 m^2 (theo thực tế) của thửa đất, hai cụ đã tặng cho là 630,8m^2 và định đoạt làm ngõ đi chung là 112,9m^2 (trong đó 76,1m^2 đất ở, 20,4m^2 đất vườn, 16,4m^2 đất ao), tổng diện tích đã định đoạt là 743,7m^2. Phần diện tích còn lại là 60,6m^2 (hiện vẫn đứng tên cụ C theo GCNQSDĐ cấp năm 1991). Phần diện tích này các bên không yêu cầu chia, không có ý kiến gì, nằm trong phần ngõ đi chung (ngoài diện tích 112,9m^2 ngõ đi chung đã định đoạt trong GCNQSDĐ) nên cần xác định phần diện tích 60,6m^2 này làm ngõ đi chung là phù hợp với thực tế.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Chu Dân B về việc chia di sản thừa kế, số tiền tiết kiệm được chia cho ông B, ông H, ông A, ông G, bà L, mỗi người được hưởng 01 suất, cụ thể: 435.250.500 đồng : 5 = 87.050.100 đồng.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã xét xử và quyết định như sau:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 4 Điều 68, Điều 56, khoản 5, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 157, 186, khoản 1 Điều 228, 235, 240, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 584, 609, 610, 611, 612, 614, 621, 623, 624, 627, 628, 630, 631, 636, 643, 649, 650, 651, 659, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 663, 668 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009;

- Căn cứ đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Mạnh H đối với ông Chu Dân B về việc chia thừa kế theo bản Di chúc ngày 03/7/2006 của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 được chứng thực tại UBND phường Đ, quận H, Hà Nội.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Mạnh H đối với ông Chu Dân B về việc bác quyền thừa kế của ông B, yêu cầu ông B công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại về tinh thần và vật chất số tiền là 400.000.000 đồng.

[3]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Chu Dân B về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 là số tiền tiết kiệm 300.000.000 đồng tại sổ tiết kiệm số IE 5715961 đứng tên cụ Chu Văn C gửi ngày 21/4/2014 tại Ngân hàng N.

[4]. Xác định cụ Chu Văn C chết ngày 26/5/2014, cụ Nguyễn Thị T4 chết ngày 21/10/2012 để lại bản Di chúc ngày 03/7/2006. Thời điểm mở thừa kế của cụ C là 26/5/2014, thời điểm mở thừa kế của cụ T4 là 21/10/2012.

[5]. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 gồm các ông bà: Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H.

[6]. Xác định di sản của cụ C và cụ T4 là:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ 3B tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 do UBND huyện H, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2012 đứng tên cụ Chu Văn C, diện tích 43m^2 đất ở có giá trị là 1.290.000.000 đồng; tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày 10/5/1991 đứng tên cụ Chu Văn C, diện tích 60,6m^2 đất ao, có giá trị là 909.000.000 đồng và ngôi nhà cấp 4 diện tích 34m^2 toạ lạc tại thửa đất số 158A, tờ bản đồ 3B, tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653998, số vào sổ cấp GCN: CH 02270 do UBND huyện H cấp ngày 16/11/2012, đứng tên ông Chu Dân B, bà Nguyễn Thị Phương T2, có giá trị là 9.928.000 đồng.

+ Số tiền tiết kiệm tại sổ tiết kiệm IE5715961 (số tài khoản 1300683025946) được gửi tại Ngân hàng N, tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/6/2023 là 135.250.500 đồng, số dư gốc nhập lãi đến ngày 22/6/2023 là 435.250.500 đồng.

Tổng giá trị di sản là 2.644.178.500 đồng.

[7]. Công nhận Bản di chúc ngày 03/7/2006 của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 là hợp pháp và có hiệu lực một phần.

Phần có hiệu lực của di chúc là phần định đoạt quyền sử dụng 40m^2 đất ở tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 do UBND huyện H,

thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2012; quyền sử dụng 60,6m^2 đất ao theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày 10/5/1991 đều đứng tên cụ Chu Văn C và ngôi nhà cấp 4 diện tích 34m^2 toạ lạc tại thửa đất số 158A, tờ bản đồ 3B, tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653998, số vào sổ cấp GCN: CH 02270 do UBND huyện H cấp ngày 16/11/2012, đứng tên ông Chu Dân B, bà Nguyễn Thị Phương T2

[8]. Về phân chia di sản:

+ Phân chia theo pháp luật di sản của cụ C và cụ T4 là số tiền gửi tại sổ tiết kiệm IE5715961 (số tài khoản 1300683025946) tại Ngân hàng N: các ông bà Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H mỗi người được chia số tiền là 87.050.100 đồng, trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/6/2023 là 27.050.100 đồng.

Các ông bà Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H và Ngân hàng N có trách nhiệm thực hiện việc thanh toán số tiền trên theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

+ Phân chia di sản là quyền sử dụng đất:

Chia theo pháp luật di sản của cụ C và cụ T4 là quyền sử dụng đất diện tích 03m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 do UBND huyện H, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2012 đứng tên cụ Chu Văn C thành 05 kỷ phần, ông B, bà L, ông G, ông A, ông H mỗi người được hưởng là 0,6m^2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông B, bà L, ông G, ông A nhường kỷ phần thừa kế này cho ông H.

Chia theo di chúc ngày 03/7/2006 của cụ C và cụ T4 là quyền sử dụng đất diện tích 40m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 do UBND huyện H, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2012 đứng tên cụ Chu Văn C cho ông H được hưởng.

Ông Chu Mạnh H được quyền sử dụng toàn bộ phần diện tích 43m^2 tại thửa đất số 158 tờ bản đồ số 3B tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 do UBND huyện H, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2012 đứng tên cụ Chu Văn C, có giá trị là 1.290.000.000 đồng.

Quyền sử dụng đất ao diện tích 60,6m^2 tại thửa đất số 158 tờ bản đồ số 3B tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày 10/5/1991 đứng tên cụ Chu Văn C được sử dụng làm ngõ đi chung của các thửa đất số 158, 158A, 158B, 158C, 158D, tờ bản đồ 3B, tại thôn

T, xã Đ, huyện H, Hà Nội, có giá trị là 909.000.000 đồng. Các ông bà Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H mỗi người được hưởng giá trị di sản là 181.800.000 đồng.

+ Phân chia di sản là tài sản trên đất: Ông Chu Dân B được hưởng thừa kế di sản theo di chúc ngày 03/7/2006 của cụ C và cụ T4 là 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 34m^2 toạ lạc tại thửa đất số 158A tờ bản đồ 3B tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653998, số vào sổ cấp GCN: CH 02270 do UBND huyện H cấp ngày 16/11/2012 đứng tên ông Chu Dân B, bà Nguyễn Thị Phương T2, có giá trị là 9.928.000 đồng.

[9]. Tổng giá trị di sản ông Chu Mạnh H được hưởng là 1.558.850.100 đồng.

Tổng giá trị di sản ông Chu Dân B được hưởng là 278.778.100 đồng.

Tổng giá trị di sản bà Chu Thị Hải L, ông Chu Thanh G, ông Chu Thanh A mỗi người được hưởng là 268.858.100 đồng.

[10]. Các ông bà Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H, bà Nguyễn Thị Phương T2 có quyền, nghĩa vụ chủ động đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất được (giao) chia theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

[11]. Các tài sản trên phần đất các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[12]. Ông Chu Mạnh H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Ông H đã nộp đủ số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (*Toàn bộ phần diện tích phân chia có sơ đồ kèm theo*)

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

[13]. Về án phí:

Các ông bà Chu Mạnh H, Chu Dân B, Chu Thanh A, Chu Thanh G, Chu Thị Hải L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Chu Mạnh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cụ thể như sau:

- Tuyên bố ông Chu Dân B không được hưởng di sản của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4.

- Buộc bị đơn là ông Chu Dân B phải công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho nguyên đơn là ông Chu Mạnh H số tiền là: 400.000.000 đồng.

- Tuyên vô hiệu với các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số: 2008 2012/HĐ-TC; 2009 2012/HĐTC; 2010 2012/HĐ-TC và 2080 2012/HĐ-TC.

- Tuyên hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL 653996, BL 563997, BL 653998, BL 653999, Bl 653383 cấp ngày 16/11/2012.

- Kiến nghị khắc phục hậu quả, khởi kiện hoặc truy tố cơ quan, tổ chức làm thất lạc hồ sơ cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Phân chia di sản theo di chúc của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 lập ngày 03/7/2006 đối với phần đất mà di chúc còn hiệu lực pháp luật, phân chia theo pháp luật đối với phần đất mà di chúc không còn hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn nhận kỷ phần của mình bằng hiện vật.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận được nhiều đơn của ông Chu Mạnh H, trong đó có nội dung đề nghị Tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Chu Mạnh H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/7/2024 và có văn bản trình bày quan điểm về vụ án đề ngày 28/7/2024: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận quyết định có số [1], [3], [5], [6], [7], [8], [9], [10], [12] trong bản án số 99/2023/DS-ST ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức. Đề nghị hội đồng xét xử có biện pháp thu thập các hồ sơ liên quan đến di sản mà Tòa án chưa thu thập được từ Phòng T6, làm rõ hiện trạng di sản được định đoạt trong di chúc, phân chia di sản theo di chúc đúng quy định của pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét, làm rõ các dấu hiệu giả mạo người tặng cho quyền sử dụng đất tại 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và dấu hiệu tiêu hủy tài liệu tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện H, tố giác tội phạm (nếu có) theo quy định và tuyên hủy các tài liệu (trong hồ sơ vụ án) là tang vật của tội phạm theo quy định.

Các đương sự có mặt ông Chu Dân B, bà Chu Thị Hải L, ông Chu Thanh A, ông Chu Thanh G, bà Nguyễn Thị T, anh Chu Thanh Q, bà Nguyễn Thị Phương T2 cùng đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Chu Mạnh H và giữ nguyên bản án số 99/2023/DS-ST ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Chu Mạnh H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội về cách tuyên án, bổ sung thêm nội dung: Kể từ ngày 23/6/2023, ông B, ông G, ông A, bà L, ông H còn tiếp tục được hưởng lãi suất của số tiền gửi được chia theo lãi suất được thỏa thuận trong Sổ tiết kiệm số: IE5715961 và theo quy định của Ngân hàng N về lãi suất tiền gửi tiết kiệm đến khi nhận được toàn bộ số tiền gửi được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

*****Về thủ tục: Nguyên đơn ông Chu Mạnh H kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức.

*Xét kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền xét xử: Tại Đơn khởi kiện ngày 24/11/2022, ngày 06/3/2023, Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 06/4/2023, ông Chu Mạnh H yêu cầu Tòa án bác quyền thừa kế của ông Chu Dân B, yêu cầu ông B công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Chu Văn C và Nguyễn Thị T4 theo di chúc. Di sản thừa kế nguyên đơn yêu cầu chia là thửa đất số 158, tờ bản đồ số 3B, thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện:

Cụ Chu Văn C chết ngày 26/5/2014, cụ Nguyễn Thị T4 chết ngày 21/10/2012, căn cứ khoản 1 Điều 611 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định thời điểm mở thừa kế của cụ C là ngày 26/5/2014, thời điểm mở thừa kế của cụ T4 là ngày 21/10/2012. Ngày 25/11/2022 ông Chu Mạnh H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản là bất động sản, căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

- Về yêu cầu phản tố của ông Chu Dân B về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ C và cụ T4 là số tiền tiết kiệm 300.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng N. Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý yêu cầu này là phù hợp với Điều 200 BLTTDS năm 2015.

- Về việc xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, Toà án cấp sơ thẩm xác định tư cách đương sự trong vụ án là phù hợp với Điều 68 BLTTDS năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đây là phiên tòa mở lần thứ hai, nguyên đơn ông Chu Mạnh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Bích T1, Ngân hàng N vắng mặt, nên hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đề nghị Tạm đình chỉ giải quyết vụ án của ông H: sau khi đánh giá, phân tích các lý do, căn cứ của ông H đề nghị Tạm đình chỉ giải quyết vụ án và căn cứ vào toàn bộ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định không có căn cứ để ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Chu Mạnh H

2.1. Về quan hệ huyết thống:

Các đương sự đều thống nhất xác nhận quan hệ huyết thống của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 như sau: hai cụ có 05 người con đẻ là Chu Dân B, Chu Thị Hải L, Chu Thanh A, Chu Thanh G, Chu Mạnh H. Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi, con đẻ nào khác. Bố mẹ hai cụ đã chết từ lâu, chết trước hai cụ. Do vậy, xác định các ông bà B, L, A, G, H là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Xác định cụ Chu Văn C chết ngày 26/5/2014, cụ Nguyễn Thị T4 chết ngày 21/10/2012 để lại bản Di chúc ngày 03/7/2006. Thời điểm mở thừa kế của cụ C là 26/5/2014, thời điểm mở thừa kế của cụ T4 là 21/10/2012.

2.3. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố ông Chu Dân B không được quyền hưởng di sản của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4.

Ông H không chứng minh được ông B che giấu di chúc để nhằm mục đích hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy ông B không vi phạm quy định tại Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu này là không có cơ sở chấp nhận.

2.4. Về yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Chu Dân B phải công khai xin lỗi về việc che giấu di chúc, làm mất danh dự nhân phẩm của ông và bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Xét, mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền hưởng di sản theo di chúc và theo pháp luật. Trong trường hợp những người thừa kế không thoả thuận, thống nhất được với nhau về việc phân chia di sản thì có quyền khởi kiện vụ án chia thừa kế theo quy định pháp luật. Tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải ngày 14/9/2023, ông H trình bày*: "đến tháng 11/2018 ông B mới giao cho tôi*

bản sao di chúc. Sau đó, ông B không công nhận hiệu lực của bản di chúc và gây khó khăn cho tôi trong việc hưởng thừa kế theo di chúc".

Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2023, khi được chủ tọa hỏi: "Sau khi lập bản di chúc, các cụ thông báo hay có đưa bản di chúc cho các con không?". Ông H đã trả lời: Tôi được bố tôi đưa bản copy di chúc".

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có mặt cũng xác định sự kiện này là đúng

Căn cứ trình bày của ông H và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở để xác định ông B có hành vi *"xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác mà gây thiệt hại"* theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, không có căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại được quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu này của ông H là không có cơ sở chấp nhận.

2.5. Về yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế di sản theo bản Di chúc ngày 03/7/2006 của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4.

2.5.1 Bản di chúc của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 được lập tại UBND phường Đ, quận H, Hà Nội và UBND phường Định Công chứng thực ngày 03/7/2006, nội dung là định đoạt tài sản tại thửa đất số 158, tờ bản đồ 3B xã Đ, huyện H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 do UBND huyện H cấp cho cụ Chu Văn C ngày 10/5/1991.

UBND phường Đ cung cấp: "Tại thời điểm chứng thực di chúc theo lời chứng thực của UBND phường do chủ tịch Trần Đình L2 đã ký thể hiện: cụ C, cụ T4 tự nguyện lập di chúc, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo pháp luật. Về trình tự lập di chúc: theo chứng thực của UBND phường, cụ C, cụ T4 đã ký vào bản di chúc trước sự chứng kiến của UBND phường. UBND phường không có thông tin về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ bản di chúc được lập đó".

Tại bản Di chúc thể hiện: *"Nay vì tuổi cao, chúng tôi tự nguyện lập bản Di chúc này trong điều kiện sức khoẻ tốt, trí óc còn minh mẫn, tư tưởng thoải mái, vợ chồng hoà thuận, con cái hiếu thảo, không có gì gò ép để lại tài sản cho các con tôi sau khi chúng tôi qua đời"*.

Việc lập di chúc của hai cụ là tự nguyện, trong trạng thái minh mẫn, tài sản được định đoạt trong di chúc là tài sản hợp pháp của hai cụ, nội dung bản di chúc không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội là phù hợp với Điều 631 Bộ luật Dân sự năm 2015, hình thức phù hợp với Điều 627, khoản 4 Điều 628, 636 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Di chúc 03/7/2006 của cụ C, cụ T4 là di chúc chung của vợ chồng phù hợp với Điều 663 Bộ luật Dân sự năm 2005. Thời điểm lập di chúc, bố mẹ hai cụ

đã chết, chết trước hai cụ, các con của hai cụ đều đã thành niên, đều có khả năng lao động.

Do vậy, bản Di chúc ngày 03/7/2006 của cụ C và cụ T4 là hợp pháp.

Đây là Bản di chúc chung của vợ chồng, di chúc chung của vợ chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết. Cụ Chu Văn C chết ngày 26/5/2014, cụ Nguyễn Thị T4 chết ngày 21/10/2012 nên thời điểm có hiệu lực của bản Di chúc ngày 03/7/2006 là ngày 26/5/2014.

2.5.2 Tài sản của hai cụ được định đoạt trong di chúc là thửa đất số 158 tờ bản đồ 3B có diện tích là 828m^2, trong đó 444m^2 đất ở, 168m^2 đất vườn, 216m^2 đất ao. Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng, diện tích đo đạc thực tế của toàn bộ thửa đất là 804,3m^2. Toà án nhân dân huyện Hoài Đức đã có công văn đề nghị Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T6, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H – Chi nhánh huyện H, Thanh tra huyện H để yêu cầu cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận, thông tin về nguồn gốc, biến động đối với thửa đất này. Theo CV số 4079/CNHHĐ-LT ngày 07/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện H, CV số 630/TNMT ngày 20/7/2023 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện H thì Các cơ quan này đều xác định không có hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các hồ sơ biến động liên quan. UBND xã Đ cung cấp: Thửa đất trên nằm tại thôn T, quá trình biến động và diện tích thực tế của thửa đất UBND xã không nắm được. Các đương sự đều xác nhận không rõ việc thiếu hụt diện tích là do đâu, không có ý kiến gì về hiện trạng và đề nghị xác nhận diện tích theo hiện trạng hiện nay. Do vậy, xác định diện tích thửa đất trên theo số đo thực tế là 804,3m^2.

2.5.3. Về hiệu lực của bản di chúc:

Bản di chúc thể hiện nội dung: "*Tặng cho con cả Chu Văn B1 lô đất số 1 diện tích 95,50m^2 và ngôi nhà tôi đã xây trên đó; tặng cho con gái Chu Thị Hải L lô đất số 2, diện tích 40m^2; Tặng cho con trai Chu Mạnh H lô đất số 3, diện tích 40m^2; Tặng cho con trai Chu Thanh G lô đất số 4 (ao) diện tích 160m^2; Tặng cho con Chu Thanh An 2 lô đất 5A và 5B diện tích 355,40m^2. Trên lô đất 5A đã có nhà và sân của A, trên lô đất 5B đã có bếp, chuồng lợn, bể nước, vườn ao của A. Giữa các lô đất có đường đi chung cho 5 anh em. Đường rộng 1m, cổng rộng 2m. Đường này do Chu Thanh A quản lý, kinh phí về quản lý do 5 anh em đóng góp*". Trong di chúc có sơ đồ thể hiện vị trí từng lô đất và lối đi chung.

Theo quy định tại Điều 643 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét từng phần di sản đã định đoạt trong di chúc để xác định các phần có hiệu lực của di chúc như sau:

Năm 2012, cụ Chu Văn C, cụ Nguyễn Thị T4 đã tặng cho các con các diện tích đất như sau:

+ Tặng cho ông Chu Dân B, bà Nguyễn Thị Phương T2 diện tích 95m^2 đất ở theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/9/2012 được công chứng tại Văn phòng C1, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653998, số vào sổ cấp GCN: CH 02270 ngày 16/11/2012, được ký hiệu là thửa đất số 158A, tờ bản đồ 3B, đứng tên ông Chu Dân B, bà Nguyễn Thị Phương T2.

+ Tặng cho bà Chu Thị Hải L diện tích 43m^2 đất ở theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/9/2012 được công chứng tại Văn phòng C1, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653383, số vào sổ cấp GCN: CH 02272 ngày 16/11/2012, được ký hiệu là thửa đất số 158B, tờ bản đồ 3B, đứng tên bà Chu Thị Hải L.

+ Tặng cho ông Chu Thanh G diện tích 160.3m^2 (trong đó 24,7m^2 đất ở + 76,5m^2 đất vườn + 59,1m^2 đất ao) theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/9/2012 được công chứng tại Văn phòng C1, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653996, số vào sổ cấp GCN: CH 02268 ngày 16/11/2012, được ký hiệu là thửa đất số 158C, tờ bản đồ 3B, đứng tên ông Chu Thanh G.

+ Tặng cho ông Chu Thanh A diện tích 289,5m^2 (trong đó 162,2m^2 đất ở + 71,1m^2 đất vườn + 56,2m^2 đất ao), theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/9/2012 được công chứng tại Văn phòng C1, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653997, số vào sổ cấp GCN: CH 02271 ngày 16/11/2012, được ký hiệu là thửa đất số 158D, tờ bản đồ 3B, đứng tên ông Chu Thanh A.

Ngõ đi chung diện tích 112,9m^2 được sử dụng chung cho các thửa 158, 158A, 158B, 158C, 158D.

Các hợp đồng tặng cho nêu trên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 122, 124, 401, 402, 465, 467 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 9, 37, 39, 40, 41 Luật công chứng năm 2006 nên là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Các tài sản được tặng cho đều đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho người được tặng cho. Sau khi tặng cho, ông C và bà T4 và những người được tặng cho cũng không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì. Chỉ có ông Chu Mạnh H đã có khiếu nại và Phòng tài nguyên môi trường huyện T6 đã có CV 37 ngày 15/4/2013 trả lời ông H: *Tại thời điểm ông Chu Văn C và bà Nguyễn Thị T4 ký hợp đồng tặng cho theo xác nhận của công chứng viên thì các bên đều đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật. Ông Chu Văn C và bà Nguyễn Thị T4 có quyền tặng cho theo trình tự quy định. Đề nghị của ông H dừng việc tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền*

sử dụng đất cho các con là không có căn cứ. Mặt khác, việc dừng thủ tục sang tên quyền sử dụng đất sẽ làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ.

Tòa án huyện H đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ vào ngày 14/9/2023. Tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, ông H trình bày: *"Tôi không yêu cầu giám định chữ ký của cụ C và dấu vân tay của cụ T4. Tôi không đề nghị tòa xem xét, giải quyết đối với các hợp đồng tặng cho nói trên".*

Theo Công văn số 2099 ngày 06/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H – Chi nhánh huyện H cung cấp: Các quyền sử dụng đất trên hiện nay chưa có biến động gì, hiện vẫn đứng tên như tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày 10/5/1991 cũng đã thể hiện nội dung điều chỉnh biến động này.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên giữa ông Chu Văn C, bà Nguyễn Thị T4 với các con ông bà là đúng quy định của pháp luật nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các hợp đồng tặng cho này cũng đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông Chu Mạnh H không yêu cầu Tòa án hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (như ông H đã liệt kê trong đơn kháng cáo), nên hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo về yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày 10/5/1991 đứng tên cụ Chu Văn C thể hiện còn có 72 m2 đất thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ 3A, mục đích sử dụng là đất làm kinh tế gia đình: quá trình giải quyết vụ án tại tòa án sơ thẩm, các đương sự không đề cập đến diện tích đất này và cũng không có yêu cầu giải quyết về diện tích đất này, nên nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Như vậy, trong tổng diện tích 804,3m^2 của thửa đất, hai cụ đã tặng cho là 587,8m^2 (trong đó 324,9 m2 đất ở, 147,6m^2 đất vườn, 115,3m^2 đất ao) và định đoạt làm ngõ đi chung là 112,9m^2 (trong đó 76,1m^2 đất ở, 20,4m^2 đất vườn, 16,4m^2 đất ao), tổng diện tích đã định đoạt là 700,7m^2 (trong đó 401m^2 đất ở, 108m^2 đất vườn, 131,7m^2 đất ao). Do vậy, phần di chúc đối với diện tích đất 700.7m^2 đã tặng cho và định đoạt làm ngõ đi chung là không có hiệu lực pháp luật theo khoản 3 Điều 643 Bộ luật dân sự năm 2015 (khoản 3 Điều 667 Bộ luật dân sự năm 2005).

Phần diện tích còn lại là 103.6m^2 (trong đó 43m^2 đất ở và 60,6m^2 đất ao) hiện vẫn đứng tên cụ C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH

02269 ngày 16/11/2012, diện tích 43m^2 đất ở và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày 10/5/1991, diện tích 60,6m^2 đất ao.

Theo cung cấp của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H – Chi nhánh huyện H tại Công văn số 4079 ngày 07/8/2023 thể hiện đến nay chưa có quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận số A490839. Do vậy, phần di chúc về phần di sản này vẫn có hiệu lực pháp luật là phù hợp với khoản 3 Điều 643 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, trong phần diện tích 43m^2 đất ở này, tại di chúc hai cụ đã định đoạt cho ông Chu Mạnh H diện tích 40m^2. Do vậy, phần diện tích 40m^2 này thuộc quyền sử dụng của ông H do được hưởng thừa kế theo di chúc, có giá trị là 40m^2 x 30.000.000 đồng/m^2 = 1.200.000.000 đồng.

Theo di chúc thể hiện sau khi cụ C, cụ T4 đã định đoạt cho các con các diện tích đất cụ thể thì phần còn lại là lối đi sử dụng chung. Phần diện tích 3m2 còn lại trong di chúc được xác định là thuộc diện tích lối đi chung. Năm 2012 cụ C làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần diện tích đã định đoạt cho ông H trong di chúc được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 ngày 16/11/2012 diện tích là 43m^2 đất ở. Do phần 03m^2 này hiện nay không còn nằm trong phần diện tích lối đi chung nên phần di chúc này không phát sinh hiệu lực. Phần di chúc không phát sinh hiệu lực thì phần di sản này được chia theo pháp luật là phù hợp với Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, chia phần diện tích 03m^2 này thành 05 phần cho ông B, bà L, ông G, ông A, ông H mỗi người được hưởng một phần bằng nhau có giá trị là: 30.000.000 đồng x 3m^2 : 5 = 18.000.000 đồng. Các ông bà B, G, A, L tự nguyện nhường lại phần này cho ông H được hưởng.

Do vậy, ông H được quyền sử dụng toàn bộ phần diện tích 43m^2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 65399 ngày 16/11/2012.

Đối với phần diện tích 60,6m^2 đất ao, có vị trí nằm ở cuối cùng của thửa đất 158, tờ bản đồ số 3B tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1991 đứng tên cụ C. Tại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 158, 158A, 158B, 158C, 158D thể hiện diện tích ngõ đi là 112,9m^2. Tại Di chúc thể hiện ngoài các phần diện tích đã tặng cho các con thì toàn bộ phần còn lại được sử dụng làm ngõ đi chung của các thửa đất. Phần di chúc này có hiệu lực pháp luật, do vậy, phần diện tích 60,6m^2 đất ao được sử dụng làm ngõ đi chung của các thửa đất số 158, 158A, 158B, 158C, 158D phù hợp với ý chí của hai cụ tại di chúc, phù hợp với thực tế và phù hợp với khoản 2 Điều 5 Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND thành phố H.

Như vậy, tổng diện tích ngõ đi chung của các thửa đất số 158, 158A, 158B, 158C, 158D là: 60.6m2 +112,9m2 = 173,5m2.

Phần diện tích 60,6m^2 đất ao nằm trong đất ở có giá trị là 15.000.000 đồng x 60,6m^2 = 909.000.000 đồng. Ông B, bà L, ông G, ông A, ông H mỗi người được hưởng phần di sản có giá trị là 181.800.000 đồng.

2.5.4. Tài sản trên đất gồm có:

+ 01 nhà cấp 4, diện tích 31,9m^2 và 01 sân gạch diện tích 57,7m^2. Tại di chúc thể hiện nhà và sân này của ông A. Các đương sự đều thống nhất xác định đây là tài sản của ông A, bà T, do vậy, đây không phải là di sản của hai cụ. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ 01 nhà cấp 4, có hai khối nhà, 01 nhà diện tích 34m^2 do cụ C và cụ T4 xây năm 1982, vị trí nằm trên thửa đất 158A thuộc quyền sử dụng của ông B, bà T2, các đương sự thống nhất xác nhận đây là ngôi nhà do hai cụ xây. Do vậy, xác định đây là di sản của hai cụ. Phần nhà này hai cụ đã định đoạt trong bản di chúc là cho ông B, do vậy, phần nhà này thuộc quyền sở hữu của ông B. Theo Biên bản định giá tài sản, ngôi nhà 34m^2 có giá trị 292.000 đồng/m^2 x 34m^2 = 9.928.000 đồng.

Liền kề với ngôi nhà trên có 01 nhà diện tích 23,2m^2 do ông B, bà T2 xây năm 2012, hiện ông B đang sử dụng cả hai khối nhà này, vị trí nằm trên thửa đất 158A thuộc quyền sử dụng của ông B, bà T2, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ 01 khu công trình phụ gồm nhà vệ sinh, bếp, chuồng trại chăn nuôi, xây dựng năm 2003, diện tích 46,1m^2, hiện ông A, bà T đang sử dụng. Phần diện tích này, do vợ chồng ông H, bà T1 và ông A, bà T cùng nhau xây dựng, Ông A, bà T đã thanh toán cho ông H, bà T1 giá trị phần đóng góp và toàn bộ phần công trình này thuộc quyền sở hữu của ông A, bà T, các ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ Các tài sản khác trên đất gồm 01 bể nước, tường bao quanh, 01 cổng sắt, 01 cây mít, 01 cây khế, 04 cây muỗng, 03 cây ổi, 05 cây bưởi, 01 cây vối, 01 cây hồng xiêm, 02 cây nhãn do ông A, bà T xây dựng và tạo lập ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Ông H phải chịu số tiền xem xét thẩm định và định giá tài sản là 5.000.000 đồng là phù hợp với Điều 157 BLTTDS năm 2015. Ông H đã nộp đủ số tiền này theo Biên bản giao nhận ngày 26/4/2023 của TAND huyện Hoài Đức.

Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

2.6. Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền tiết kiệm của ông Chu Dân B.

Ông H không đồng ý với yêu cầu này và đề nghị bác quyền thừa kế này của ông B, các anh em còn lại tự thoả thuận.

Như đã phân tích trên, yêu cầu của ông H về việc bác quyền thừa kế của ông B không được chấp nhận. Số tiền tiết kiệm tại sổ tiết kiệm số IE 5715961 đứng tên cụ Chu Văn C gửi ngày 21/4/2014 tại Ngân hàng N – Chi nhánh T5, tiền gốc 300.000.000 đồng, tổng tiền lãi tính đến ngày 22/6/2023 là 135.250.500 đồng, số dư gốc nhập lãi đến ngày 22/6/2023 là 435.250.500 đồng. Các đương sự đều thống nhất xác nhận đây là di sản của hai cụ C và cụ T4, không được định đoạt bằng di chúc. Do vậy, ông B đề nghị chia thừa kế theo pháp luật di sản này là phù hợp với Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015.

Số tiền trên được chia cho ông B, ông H, ông A, ông G, bà L, mỗi người được hưởng 1/5, cụ thể: 435.250.500 đồng : 5 = 87.050.100 đồng.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này: cụ thể ngoài số tiền tiết kiệm được hưởng nêu trên, ông B, ông H, ông A, ông G, bà L còn được hưởng 1/5 số tiền lãi phát sinh từ sổ tiết kiệm IE5715961 (số tài khoản 1300683025946) được gửi tại Ngân hàng N tính từ 23/6/2023 cho đến ngày được ngân hàng tất toán toàn bộ khoản tiền gửi tiết kiệm.

2.7. Như vậy, tổng giá trị di sản ông H được hưởng là 1.558.850.100 đồng, ông B được hưởng là 278.778.100 đồng, bà L, ông G, ông A mỗi người được hưởng là 268.858.100 đồng.

[3]. Về án phí:

Ông H, ông B, ông A, ông G, bà L thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Chu Mạnh H, nhưng cần sửa một phần bản án sơ thẩm về việc chia số tiền lãi tiết kiệm tính từ ngày 23/6/2023 cho đến ngày ngân hàng tất toán toàn bộ khoản tiền gửi tiết kiệm như đã phân tích trên.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - *Căn cứ các Điều 5, Điều 68, khoản 5, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

- Căn cứ các Điều 584, 609, 610, 611, 612, 614, 621, 623, 624, 627, 628, 630, 631, 636, 643, 649, 650, 651, 659, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 663, 668 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Các Điều 9, 37, 39, 40, 41 Luật công chứng năm 2006.

- Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009;

- Căn cứ đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Chu Mạnh H. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Chu Mạnh H đối với ông Chu Dân B về việc chia thừa kế theo bản Di chúc ngày 03/7/2006 của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 được chứng thực tại UBND phường Đ, quận H, Hà Nội.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Mạnh H đối với ông Chu Dân B về yêu cầu tuyên bố ông B không được quyền hưởng di sản của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Mạnh H về yêu cầu ông B công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại về tinh thần và vật chất số tiền là 400.000.000 đồng.

[3]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Chu Dân B về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 là số tiền tiết kiệm 300.000.000 đồng tại sổ tiết kiệm số IE 5715961 đứng tên cụ Chu Văn C gửi ngày 21/4/2014 tại Ngân hàng N – Chi nhánh T5.

[4]. Xác định cụ Chu Văn C chết ngày 26/5/2014, cụ Nguyễn Thị T4 chết ngày 21/10/2012 để lại bản Di chúc ngày 03/7/2006. Thời điểm mở thừa kế của cụ C là 26/5/2014, thời điểm mở thừa kế của cụ T4 là 21/10/2012.

[5]. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 gồm các ông bà: Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H.

[6]. Xác định di sản của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 là:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ 3B tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 do UBND huyện H, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2012 đứng tên cụ Chu Văn C, diện tích 43m^2 đất ở có giá trị là 1.290.000.000 đồng;

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ 3B tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày

10/5/1991 đứng tên cụ Chu Văn C, diện tích 60,6m^2 đất ao, có giá trị là 909.000.000 đồng;

+ Ngôi nhà cấp 4 diện tích 34m^2 toạ lạc tại thửa đất số 158A, tờ bản đồ 3B, tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653998, số vào sổ cấp GCN: CH 02270 do UBND huyện H cấp ngày 16/11/2012, đứng tên ông Chu Dân B, bà Nguyễn Thị Phương T2, có giá trị là 9.928.000 đồng.

+ Số tiền tiết kiệm tại sổ tiết kiệm IE5715961 (số tài khoản 1300683025946) đứng tên cụ Chu Văn C gửi tại Ngân hàng N-Chi nhánh T5, tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/6/2023 là 135.250.500 đồng, số dư gốc nhập lãi đến ngày 22/6/2023 là 435.250.500 đồng.

Tổng giá trị di sản là 2.644.178.500 đồng.

[7]. Công nhận Bản di chúc ngày 03/7/2006 của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 là hợp pháp và có hiệu lực một phần.

Phần có hiệu lực của di chúc là phần định đoạt quyền sử dụng 40m^2 đất ở tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 do UBND huyện H, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2012 đứng tên cụ Chu Văn C; quyền sử dụng 60,6m^2 đất ao theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 cấp ngày 10/5/1991 đứng tên cụ Chu Văn C và ngôi nhà cấp 4 diện tích 34m^2 toạ lạc tại thửa đất số 158A, tờ bản đồ 3B, tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653998, số vào sổ cấp GCN: CH 02270 do UBND huyện H cấp ngày 16/11/2012, đứng tên ông Chu Dân B, bà Nguyễn Thị Phương T2.

[8]. Về phân chia di sản:

+ Phân chia theo pháp luật di sản của cụ C và cụ T4 là số tiền gửi tại sổ tiết kiệm IE5715961 (số tài khoản 1300683025946) đứng tên cụ Chu Văn C tại Ngân hàng N - Chi nhánh T5: các ông bà Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H mỗi người được chia số tiền là 87.050.100 đồng, trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/6/2023 là 27.050.100 đồng. Các ông bà Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H mỗi người còn được hưởng 1/5 số tiền lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm IE5715961 tính từ 23/6/2023 cho đến ngày ngân hàng tất toán toàn bộ khoản tiền gửi tiết kiệm.

Các ông bà Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H và Ngân hàng N có trách nhiệm thực hiện việc thanh toán số tiền trên theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

+ Phân chia di sản là quyền sử dụng đất:

Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Chu Văn C và cụ Nguyễn Thị T4 là quyền sử dụng đất diện tích 03m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 do UBND huyện H, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2012 đứng tên cụ Chu Văn C thành 05 kỷ phần, ông B, bà L, ông G, ông A, ông H mỗi người được hưởng là 0,6m^2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông B, bà L, ông G, ông A để ông Chu Mạnh H được hưởng toàn bộ kỷ phần thừa kế này.

Chia thừa kế theo di chúc ngày 03/7/2006 của cụ C và cụ T4 là quyền sử dụng đất diện tích 40m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 do UBND huyện H, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2012 đứng tên cụ Chu Văn C cho ông Chu Mạnh H được hưởng.

Ông Chu Mạnh H được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 43m^2 tại thửa đất số 158 tờ bản đồ số 3B tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653999, số vào sổ cấp GCN: CH 02269 do UBND huyện H, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2012 đứng tên cụ Chu Văn C, có giá trị là 1.290.000.000 đồng.

Quyền sử dụng đất ao diện tích 60,6m^2 tại thửa đất số 158 tờ bản đồ số 3B tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490839 ngày 10/5/1991 đứng tên cụ Chu Văn C được sử dụng làm ngõ đi chung của các thửa đất số 158, 158A, 158B, 158C, 158D, tờ bản đồ 3B, tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội, có giá trị là 909.000.000 đồng (diện tích đất 60,6m2 này thuộc tổng diện tích ngõ đi chung 173,5m2 của các thửa đất số 158, 158A, 158B, 158C, 158D). Các ông bà Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H mỗi người được hưởng giá trị di sản là 181.800.000 đồng.

+ Phân chia di sản là tài sản trên đất: Ông Chu Dân B được hưởng thừa kế di sản theo di chúc ngày 03/7/2006 của cụ C và cụ T4 là 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 34m^2 toạ lạc tại thửa đất số 158A tờ bản đồ 3B tại thôn T, xã Đ, huyện H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 653998, số vào sổ cấp GCN: CH 02270 do UBND huyện H cấp ngày 16/11/2012 đứng tên ông Chu Dân B, bà Nguyễn Thị Phương T2, có giá trị là 9.928.000 đồng.

(Toàn bộ phần diện tích phân chia có sơ đồ kèm theo bản án)

[9]. Tổng giá trị di sản ông Chu Mạnh H được hưởng là 1.558.850.100 đồng.

Tổng giá trị di sản ông Chu Dân B được hưởng là 278.778.100 đồng.

Tổng giá trị di sản bà Chu Thị Hải L, ông Chu Thanh G, ông Chu Thanh A mỗi người được hưởng là 268.850.100 đồng.

[10]. Các ông bà Chu Dân B, Chu Thanh G, Chu Thanh A, Chu Thị Hải L, Chu Mạnh H, bà Nguyễn Thị Phương T2 có quyền, nghĩa vụ chủ động đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

[11]. Ông Chu Mạnh H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Ông H đã nộp đủ số tiền này.

Các đương sự ông Chu Mạnh H, ông Chu Dân B, bà Chu Thị Hải L, ông Chu Thanh A1, ông Chu Thanh G được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Chu Mạnh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Tuấn Anh